

**B**LTTHS năm 1988 đã được sửa đổi, bổ sung theo các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS được Quốc hội thông qua ngày 30/6/1990, 22/12/1992 và ngày 9/6/2000 quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa tại điều 36 như sau:

“Người bào chữa có quyền “đưa ra chứng cứ và những yêu cầu; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam; được đọc hồ sơ vụ án và ghi chép những điều cần thiết sau khi kết thúc điều tra; có quyền tham gia xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa”.

“Người bào chữa có nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định bị can, bị cáo vô tội; những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo; giúp bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ”.

Bộ luật trên cũng quy định quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự tại Điều 42a như sau: “Người bảo vệ quyền lợi của đương sự có quyền cung cấp chứng cứ, để đạt yêu cầu, được đọc hồ sơ vụ án, ghi chép những điều cần thiết sau khi kết thúc điều tra; tham gia phiên tòa; khiếu nại các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng”.

Do chỉ quy định quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bào chữa vào một điều luật (điều 36); quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự vào một điều luật (điều 42a) như vậy nên nhiều người không biết vận dụng các quyền đó vào từng giai đoạn tố tụng, từng hành vi tố tụng cụ thể như thế nào nên thời gian qua hầu như người bào chữa chỉ làm được việc nghiên cứu hồ sơ, gặp gỡ bị cáo chuẩn bị bài bào chữa, tham dự phiên tòa rồi trình bày bài bào chữa đó. Người bảo vệ quyền lợi cho đương sự cũng chỉ làm tương tự như vậy.

Đối với người tiến hành tố tụng, cũng vì chưa có những quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể của người bào chữa tương ứng với từng hành

vi tiến hành tố tụng được quy định ở các điều luật, nên khi tiến hành tố tụng họ dễ bỏ qua, nói cách khác là họ “quên” người bào chữa.

Đối với thân chủ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự (bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan) thì cũng vì không có những quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể của người bào chữa trong các điều luật quy định về trình tự tiến hành tố tụng nên họ cũng không có cơ sở pháp lý để yêu cầu những người này phải làm những công việc cụ thể gì trong quá trình giải quyết một vụ án để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho

NGHIÊN CỨU BLTTHS NĂM 2003

**NHIỀU YÊU CẦU MỚI ĐẶT RA ĐỐI VỚI**

minh. Vì vậy chất lượng bào chữa, chất lượng bảo vệ quyền lợi của đương sự đóng góp vào việc làm sáng tỏ sự thật khách quan, đóng góp vào việc dẫn chiếu các quy phạm pháp luật để gỡ tội, giảm nhẹ tội cho bị cáo và bảo vệ quyền lợi cho đương sự rất bị hạn chế. Đó cũng là một trong những nguyên nhân của tình hình “Chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do dân chủ công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, nhà nước và các cơ quan tư pháp” (Nghị quyết VIII NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Trung ương ĐCSVN).

Để khắc phục những tồn tại, yếu kém, thiếu cụ thể nói trên và thể chế hóa Nghị quyết số 08 NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị - Ban chấp hành trung ương ĐCSVN về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 4 ngày 26/11/2003 đã thông qua BLTTHS

(sửa đổi) thay thế BLTTHS năm 1998 (sau đây gọi là BLTTHS 2003) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004.

**I. Một số quy định mới về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự tại phiên tòa hình sự.**

**1. Hỏi bị cáo (điều 209)**

Về thủ tục này điều 183 BLTTHS/1998 không có quy định gì về quyền hỏi bị cáo của người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

Điều 209 BLTTHS 2003 khoản 3 quy định: “Người bào chữa hỏi về những tình tiết liên quan đến việc

**NGHỀ LUẬT SƯ**

• Luật sư PHAN HỮU THỨC

bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hỏi về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của đương sự”. Khoản 4 quy định: “Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì hội đồng xét xử, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự tiếp tục hỏi những người khác và xem xét vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án”.

**2. Hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án... (Điều 210)**

Về các thủ tục này Điều 184 BLTTHS 1988 không có quy định gì về quyền được hỏi những người tham gia tố tụng nói trên.

Điều 210 BLTTHS 2003 quy định sau khi những người nói trên trình bày các tình tiết của vụ án có liên quan đến họ thì “Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn”.

**3. Hỏi người làm chứng (Điều 211).**



Về thủ tục này Điều 185 BLT-THS 1988 không có quy định gì về quyền tham gia của người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

Điều 211 (khoản 2) quy định sau khi hội đồng xét xử hỏi người làm chứng về quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự trong vụ án, những tình tiết của vụ án mà họ biết, những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn thì "kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự có thể hỏi thêm người làm chứng".

#### 4. Về thủ tục xem xét vật chứng (Điều 212)

So với Điều 186 BLTTHS 1988 bổ sung thêm quy định người bào chữa khi cần thiết cũng có thể cùng với Hội đồng xét xử và kiểm sát viên tham gia việc xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được, người bào chữa có quyền trình bày những nhận xét của mình về vật chứng đó. Việc xem xét tại chỗ vật chứng đó phải được lập thành biên bản theo quy định tại điều 95 Bộ luật này.

#### 5. Về thủ tục xem xét tại chỗ (Điều 213)

So với Điều 187 BLTTHS 1988 đã bổ sung thêm quy định là khi cần thiết thì người bào chữa cũng có thể cùng với Hội đồng xét xử và kiểm sát viên đến xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc những địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Người bào chữa có quyền trình bày những nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc những địa điểm khác có liên quan đến vụ án.

Việc xem xét này cũng phải được lập thành biên bản theo thủ tục chung quy định tại Điều 95.

#### 6. Về trình tự phát biểu khi tranh luận (Điều 217)

So với Điều 191 BLTTHS 1988 có bổ sung quy định: "Luận tội của kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và

những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa".

#### 7. Về thủ tục đối đáp khi tranh luận (Điều 218)

So với Điều 192 BLTTHS 1988 có bổ sung quy định: "Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về luận tội của kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình; kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến".

Bổ quy định những người tham gia tranh luận chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý. Bổ sung quy định chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến.

Bổ sung quy định: "Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được kiểm sát viên tranh luận".

Với những sửa đổi, bổ sung như trên, BLTTHS 2003 lần đầu tiên cụ thể hóa các quyền tố tụng của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự tương ứng với từng hành vi tiến hành tố tụng của thẩm phán và kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự.

#### II. BLTTHS 2003 đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với nghề luật sư

Căn cứ vào quy định của Điều 56, 59 BLTTHS 2003 và các Điều 1, 7, 8, 13 Pháp lệnh Luật sư năm 2001 thì luật sư là lực lượng chủ chốt trong đội ngũ những người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự vì họ là những người trí thức - thấp nhất phải có bằng cử nhân luật, nhiều người hiện nay đã có học vị thạc sỹ, tiến sỹ, giáo sư, phó giáo sư. Tất cả họ đều tốt nghiệp khóa đào tạo nghề luật sư, được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư theo tiêu chuẩn quốc gia và quan trọng hơn nữa là họ làm nhiệm vụ bào chữa hoặc bảo vệ quyền lợi của đương sự với tư cách

là một nghề được pháp luật nhà nước và xã hội thừa nhận.

Là một người đã hành nghề luật sư nhiều năm, càng tâm đắc với BLTTHS 2003 bao nhiêu, càng thấm nhuần sâu sắc bản chất dân chủ của nhà nước ta bấy nhiêu. BLTTHS 2003 thay thế BLTTHS 1988 đã thể chế hóa, hiện thực hóa nhiều quyền cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 1992, trong đó đã sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa rất nhiều quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, trong đó có luật sư.

Để thực hiện được các quyền đó, BLTTHS 2003 đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với luật sư:

#### 1. Trước hết là năng lực tham gia xét hỏi tại phiên tòa

Đây là công việc rất khó không những đối với luật sư mà cả thẩm phán, đại diện viện kiểm sát. Nhiều người đọc câu hỏi trước công đường mà người được hỏi không hiểu nội dung câu hỏi nên không trả lời được hoặc đọc câu hỏi chỉ cần người được hỏi trả lời có hoặc không... Có luật sư hỏi bị cáo, người bị hại, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn dân sự cả những tình tiết làm xấu đi tình trạng của bị cáo hoặc bất lợi cho đương sự mà họ là thân chủ của mình. Có luật sư hỏi lặp lại nhiều lần những vấn đề mà hội đồng xét xử, đại diện viện kiểm sát, hoặc người tham gia tố tụng khác đã hỏi hoặc cả những tình tiết không liên quan gì đến vụ án nên bị chủ tọa phiên tòa cắt...

Vì vậy yêu cầu luật sư tham gia xét hỏi phải đặt câu hỏi thế nào để đảm bảo tính chính xác về nội dung, hỏi hết các tình tiết của vụ án có lợi cho người mà mình bào chữa hoặc bảo vệ. Về hình thức câu hỏi phải ngắn gọn, trong sáng, dễ hiểu, không trùng lặp những vấn đề mà người trước đã hỏi.

Muốn vậy thì sau khi nghiên cứu hồ sơ và gặp gỡ bị cáo, đương sự, luật sư phải làm đề cương xét hỏi: cần hỏi những ai (bị cáo, bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự, nhân chứng, giám định...). Đối với mỗi



người có liên quan thì cần hỏi những tình tiết gì, rồi đặt câu hỏi cụ thể đối với từng người. Khi tham dự phiên tòa phải chú ý theo dõi, tình tiết nào đã được hỏi rồi và vấn đề nào đã được làm sáng tỏ thì xóa bỏ để không hỏi lại. Ngược lại qua xét hỏi của những người khác mà nảy sinh tình tiết mới có lợi cho người mình bảo vệ thì phải đặt câu hỏi bổ sung.

## 2. Luận cứ bào chữa hoặc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự

Về nội dung phải tổng hợp được hết các chứng cứ, các tình tiết gỡ tội, giảm nhẹ tội với đầy đủ căn cứ pháp luật cho bị cáo mà mình bào chữa. Tổng hợp hết các tình tiết có lợi cho đương sự mà mình bảo vệ, các chứng cứ và tình tiết ấy đã được xét hỏi, kiểm chứng tại phiên tòa. Trên cơ sở đó có những đề nghị về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án nói chung và đường lối giải quyết cụ thể đối với bị cáo hoặc đương sự do mình bào chữa hoặc bảo vệ quyền lợi.

Có như vậy mới làm tròn trách nhiệm đối với khách hàng của mình và đáp ứng yêu cầu nghị án của hội



Luật sư tại phiên tòa

đồng xét xử quy định tại khoản 3 Điều 222 BLTTHS 2003: "Khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa".

Về nghệ thuật trình bày: nhiều người kiến thức rất rộng, rất sâu nhưng khi trình bày lại không làm cho người nghe hiểu hết được nội

dung; trình bày dài dòng, lặp đi lặp lại, thì thì, mà mà... thiếu logic, thiếu hấp dẫn nên không thuyết phục được người nghe.

Vì vậy ngoài việc phải thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật nâng cao trình độ khoa học pháp lý, luật sư còn phải rèn luyện kỹ năng diễn đạt và nghệ thuật trình bày khi tham gia xét hỏi cũng như khi tham gia tranh luận tại phiên tòa ■

## VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA HLG...

luật có trình độ để nâng cao chất lượng nghiên cứu của Hội nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tư vấn, phản biện các dự án luật phục vụ yêu cầu trước mắt phù hợp với chức năng của Hội và tạo cơ sở cho sự phát triển tiếp theo.

2- Đổi mới việc tham gia các hoạt động quốc tế của Hội.

Với tính chất là tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, việc tham gia các hoạt động quốc tế của Hội thực hiện theo hướng mở rộng phạm vi, mở rộng thành phần tham gia trong các hoạt động quốc tế, tăng cường mối quan hệ đa phương, song phương, thực hiện đúng đường lối đối ngoại của Đảng trong hội nhập quốc tế.

3- Để tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội, các tỉnh Hội, thành Hội và Chi

hội trực thuộc cần kiến nghị với cấp ủy Đảng và Chính quyền, Thủ trưởng các ngành quan tâm, tạo điều kiện cho Hội hoạt động theo tinh thần Chỉ thị số 56/CT-TW ngày 18/8/2000 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 06/2001/CT-TTg ngày 09/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức tốt các cuộc hội thảo khu vực; kiến nghị với cấp ủy Đảng, Chính quyền cho mở rộng các hoạt động tư vấn, trợ giúp pháp lý của các cấp Hội.

4- Có quy chế quản lý về tổ chức, hoạt động và việc sử dụng các trụ sở làm việc của các đơn vị trực thuộc. Cần quy định trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc có nghĩa vụ đóng góp cho Hội theo Quy chế về việc quản lý các đơn vị trực thuộc TW Hội đã được Ban Thường vụ thông qua.

(Tiếp theo trang 5)

5- Việc xây dựng Trụ sở mới của Hội đã được Thường vụ thảo luận kỹ và nhất trí tiến hành theo phương thức liên doanh, liên kết đảm bảo đúng pháp luật không để tiêu cực xảy ra trong quá trình xây dựng.

### III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Ban chuyên môn của TW Hội và Văn phòng TW Hội theo chức năng của mình có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp Thường trực TW Hội tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ nêu trên.

Ban Thường trực TW Hội có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo định kỳ cho Ban Thường vụ biết để cho ý kiến chỉ đạo kịp thời ■